

Số: 46/2021/QĐST-HNGĐ

TS, ngày 07 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT.

Bị đơn: Anh **Hà Văn B**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm Ch, xã KT, huyện TS, tỉnh PT.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trần Thị M** và anh **Hà Văn B**
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Không có.
 - Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - Về án phí:

+ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Trần Thị M vì ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Anh Hà Văn B phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TS;
- UBND xã KT;
- CCTHSDS huyện TS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Bộ